

# **CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho  
Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2019</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	[5] - [6]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	[7] – [8]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	[9] - [10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	[11] - [35]

# CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Công ty.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong Kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong Kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng Giám Đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong Kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Công ty có các công ty con như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam

Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/09/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### 5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm 2018, Công ty thành lập Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam theo Nghị quyết HĐQT số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018. Vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng, đến ngày 30/09/2019 vốn thực góp là 45.000.000.000 VND. Tỷ lệ sở hữu: 90%.

#### 6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho Kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp.Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### 8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho Kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>187,851,464,518</b>	<b>211,429,776,194</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>22,276,014,818</b>	<b>95,853,999,012</b>
1. Tiền	111	5.1	22,276,014,818	95,853,999,012
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.8</b>	<b>600,000,000</b>	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600,000,000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>101,195,802,002</b>	<b>72,231,707,236</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	53,440,490,666	41,625,455,483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11,626,737,819	5,541,316,455
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	37,312,267,804	26,248,629,585
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1,183,694,287)	(1,183,694,287)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>57,475,710,205</b>	<b>40,425,875,589</b>
1. Hàng tồn kho	141		57,475,710,205	40,425,875,589
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6,303,937,493</b>	<b>2,918,194,357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	6,303,937,493	2,915,639,856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1,580,476
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	-	974,025
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>111,757,950,449</b>	<b>87,498,641,634</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>221,861,808</b>	<b>316,435,464</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	221,861,808	316,435,464
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93,459,593,244</b>	<b>76,154,080,676</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	84,386,872,673	65,887,900,882
- Nguyên giá	222		120,716,799,111	91,555,272,581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36,329,926,438)	(25,667,371,699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	2,736,368,735	3,822,919,442
- Nguyên giá	225		4,346,190,909	4,974,217,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,609,822,174)	(1,151,298,158)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	6,336,351,836	6,443,260,352
- Nguyên giá	228		6,765,326,300	6,765,326,300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(428,974,464)	(322,065,948)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5,988,294,048</b>	<b>2,872,569,048</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	5,988,294,048	2,872,569,048
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12,088,201,349</b>	<b>8,155,556,446</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	12,088,201,349	8,155,556,446
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>299,609,414,967</b>	<b>298,928,417,828</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 01-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Cuối kỳ	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118,189,934,366</b>	<b>125,732,275,752</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101,366,063,691</b>	<b>116,638,962,579</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	33,313,548,322	47,104,861,723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3,091,724,606	4,693,651,357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4,280,614,072	7,420,507,412
4. Phải trả người lao động	314		2,735,360,732	3,788,191,024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	562,500,000	610,000,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	2,228,362,152	4,639,568,719
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	53,575,248,769	46,803,977,306
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,578,705,038	1,578,705,038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16,823,850,675</b>	<b>9,093,313,173</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	-	1,560,430,120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	16,823,850,675	7,532,883,053
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.19</b>	<b>181,419,490,601</b>	<b>173,196,142,076</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>181,419,490,601</b>	<b>173,196,142,076</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115,000,000,000	115,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115,000,000,000	115,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(68,454,545)	(68,454,545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		46,060,158,166	29,189,645,500
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		10,254,016,635	17,420,546,141
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	28,264,842
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10,254,016,635	17,392,281,299
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		10,173,760,345	11,654,404,980
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>299,609,414,967</b>	<b>298,928,417,828</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02-DN/HN

Quý III năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý III	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	<b>63,319,907,349</b>	<b>57,899,456,153</b>	<b>209,188,465,420</b>	<b>143,069,277,602</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6,591,517,003	662,272,729	27,347,799,946	662,272,729
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>56,728,390,346</b>	<b>57,237,183,424</b>	<b>181,840,665,474</b>	<b>142,407,004,873</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	34,306,560,020	29,885,375,670	100,449,990,847	80,665,339,247
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>22,421,830,326</b>	<b>27,351,807,754</b>	<b>81,390,674,627</b>	<b>61,741,665,626</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2,135,962	932,802	13,855,071	12,616,404
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3,554,093,587	3,522,461,614	8,282,759,276	6,958,697,370
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,574,526,715	964,459,325	3,679,865,170	2,582,135,743
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	11,142,000,873	17,100,032,169	47,179,328,647	36,170,955,558
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	4,816,572,264	3,828,016,522	13,265,911,582	10,964,246,726
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2,911,299,564</b>	<b>2,902,230,251</b>	<b>12,676,530,193</b>	<b>7,660,382,376</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	(59,290,000)	90,915,463	909,452,680	375,050,463
13. Chi phí khác	32	6.7	115,036,048	87,679,753	683,995,244	87,679,753
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(174,326,048)</b>	<b>3,235,710</b>	<b>225,457,436</b>	<b>287,370,710</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2,736,973,516</b>	<b>2,905,465,961</b>	<b>12,901,987,629</b>	<b>7,947,753,086</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	114,802,330	295,798,679	2,474,210,649	1,543,866,908
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2,622,171,186</b>	<b>2,609,667,282</b>	<b>10,427,776,980</b>	<b>6,403,886,178</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		2,850,016,370	2,389,181,234	10,254,016,635	6,141,290,777
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		(227,845,184)	220,486,048	173,760,345	262,595,401
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	248	208	892	534

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý III năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý III	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>12,901,987,629</b>	<b>7,947,753,086</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11,337,891,947	5,290,939,166
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13,855,071)	(12,616,404)
- Chi phí lãi vay	06		3,679,865,170	2,582,135,743
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(28,265,042)	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>27,877,624,633</b>	<b>15,808,211,591</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28,866,966,609)	(18,333,549,447)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17,049,834,616)	(17,570,488,035)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(21,712,359,792)	7,987,513,376
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7,320,942,540)	(858,911,630)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,679,865,170)	(2,582,135,743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,708,330,073)	(2,773,996,205)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(54,460,674,167)</b>	<b>(18,323,356,093)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35,193,404,183)	(34,980,859,393)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	150,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,855,071	12,616,404
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35,179,549,112)</b>	<b>(34,818,242,989)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG A**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý III năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý III	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		139,405,764,398	91,656,955,079
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(122,118,080,870)	(83,760,501,748)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,225,444,443)	(1,519,428,582)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(13,800,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>16,062,239,085</b>	<b>(2,422,975,251)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(73,577,984,194)</b>	<b>(55,564,574,333)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>95,853,999,012</b>	<b>76,059,073,951</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>22,276,014,818</b>	<b>20,494,499,618</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

## **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### Công ty có các công ty con sau:

#### ❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%

#### ❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2018 là 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Theo đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam	90%	100%	90%	100%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

***Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:***

<b><u>Tên</u></b>	<b><u>Địa chỉ</u></b>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 03 năm 2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thực hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/09/2019 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc Kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt Kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc Kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4. Hàng tồn kho**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 20 năm
Máy móc thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

**4.5.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

**4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính**

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

**4.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9. Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong Kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc Kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong Kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong Kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.18. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

**4.19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả và keo chống thấm.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	10,479,014,719	13,121,079,236
Tiền gửi ngân hàng	9,159,202,799	82,192,943,676
Tiền đang chuyển	2,637,797,300	539,976,100
<b>Cộng</b>	<b>22,276,014,818</b>	<b>95,853,999,012</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>53,440,490,666</b>	<b>41,625,455,483</b>
- Các khoản phải thu khách hàng khác	53,440,490,666	41,625,455,483
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>11,626,737,819</b>	<b>5,541,316,455</b>
- Tạm đoàn Oliver Y Battle	3,228,004,055	-
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750,000,000	750,000,000
- Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	436,004,700	436,004,700
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	7,212,729,064	4,355,311,755
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu về cho vay</b>	-	-	-	-

**5.5 . PHẢI THU KHÁC**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>37,312,267,804</b>	<b>-</b>	<b>26,248,629,585</b>	<b>-</b>
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3,000,000	-	3,000,000	-
- Tạm ứng	20,033,453,973	-	18,000,974,058	-
- Phải thu khác	17,275,813,831	-	8,244,655,527	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>221,861,808</b>	<b>-</b>	<b>316,435,464</b>	<b>-</b>
- Phải thu về cổ phần hoá				
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia				
- Tạm ứng				
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	158,200,000	-	210,200,000	-
- Phải thu khác	63,661,808	-	106,235,464	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

**5.6 . HÀNG TỒN KHO**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	21,662,528,521	-	18,746,697,124	-
Công cụ, dụng cụ	1,918,830,591	-	1,013,400,373	-
Chi phí SXKD dở dang	6,676,437,315	-	5,479,818,978	-
Thành phẩm nhập kho	15,907,883,945	-	8,504,696,815	-
Hàng hóa	11,255,581,111		6,626,813,577	
Hàng gửi bán	54,448,722		54,448,722	-
<b>Cộng</b>	<b>57,475,710,205</b>	<b>-</b>	<b>40,425,875,589</b>	<b>-</b>

**5.7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	<b>5,988,294,048</b>	<b>2,872,569,048</b>
+ Mua sắm TSCĐ	286,595,466	286,595,466
+ Xây dựng cơ bản khác	5,701,698,582	2,585,973,582
	<b>5,988,294,048</b>	<b>2,872,569,048</b>

**5.8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Ngắn hạn	<b>6,303,937,493</b>	<b>2,915,639,856</b>
b) Dài hạn	<b>12,088,201,349</b>	<b>8,155,556,446</b>
<b>Cộng</b>	<b>18,392,138,842</b>	<b>11,071,196,302</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

**5.9 . NỢ XẤU***Đơn vị : VND*

	<b>Cuối kỳ</b>			<b>Đầu năm</b>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192,880,615	-	(192,880,615)	192,880,615	-	(192,880,615)
Các công ty khác	990,813,672	-	(990,813,672)	990,813,672	-	(990,813,672)
<b>Cộng</b>	<b>1,183,694,287</b>	<b>-</b>	<b>(1,183,694,287)</b>	<b>1,183,694,287</b>	<b>-</b>	<b>(1,183,694,287)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	25,893,569,909	43,104,532,293	22,293,979,469	231,490,910	31,700,000	<b>91,555,272,581</b>
Tăng trong năm		12,574,316,895	16,587,209,635			<b>29,161,526,530</b>
- Mua trong kỳ		12,574,316,895	16,587,209,635			<b>29,161,526,530</b>
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	25,893,569,909	55,678,849,188	38,881,189,104	231,490,910	31,700,000	120,716,799,111
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4,413,705,592	12,175,682,648	8,943,205,810	117,738,890	17,038,759	<b>25,667,371,699</b>
Tăng trong kỳ	560,992,869	6,555,242,489	3,507,893,809	32,481,819	5,943,753	<b>10,662,554,739</b>
- Số khấu hao trong kỳ	560,992,869	6,555,242,489	3,507,893,809	32,481,819	5,943,753	<b>10,662,554,739</b>
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	4,974,698,461	18,730,925,137	12,451,099,619	150,220,709	22,982,512	<b>36,329,926,438</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	21,479,864,317	30,928,849,645	13,350,773,659	113,752,020	14,661,241	<b>65,887,900,882</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	20,918,871,448	36,947,924,051	26,430,089,485	81,270,201	8,717,488	<b>84,386,872,673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Mẫu số B 09-DN

**5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm			4,974,217,600		<b>4,974,217,600</b>
Tăng trong kỳ					
- Thuê tài chính trong kỳ					
Giảm trong kỳ			(628,026,691)		<b>(628,026,691)</b>
- Thanh lý, nhượng bán			(628,026,691)		<b>(628,026,691)</b>
Số dư cuối kỳ			4,346,190,909		<b>4,346,190,909</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm			1,151,298,158		<b>1,151,298,158</b>
Tăng trong kỳ			568,428,692		<b>568,428,692</b>
- Số khấu hao trong kỳ			568,428,692		<b>568,428,692</b>
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ			(109,904,676)		<b>(109,904,676)</b>
- Giảm khác			(109,904,676)		<b>(109,904,676)</b>
Số dư cuối kỳ			1,609,822,174		<b>1,609,822,174</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm			3,822,919,442		<b>3,822,919,442</b>
2. Tại ngày cuối kỳ			2,736,368,735		<b>2,736,368,735</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

**5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6,725,114,300		40,212,000		<b>6,765,326,300</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ					-
- Tăng khác					-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	6,725,114,300	-	40,212,000	-	<b>6,765,326,300</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	302,630,148	0	19,435,800		<b>322,065,948</b>
Tăng trong kỳ	100,876,716	-	6,031,800	-	<b>106,908,516</b>
- Số khấu hao trong kỳ	100,876,716		6,031,800		<b>106,908,516</b>
- Tăng khác					-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	403,506,864	-	25,467,600	-	<b>428,974,464</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	6,422,484,152	-	20,776,200	-	<b>6,443,260,352</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	6,321,607,436	-	14,744,400	-	<b>6,336,351,836</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

**5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>33,313,548,322</b>	<b>33,313,548,322</b>	<b>47,104,361,723</b>	<b>47,104,361,723</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>123,699,621</b>	<b>123,699,621</b>	<b>123,699,621</b>	<b>123,699,621</b>
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27,629,620	27,629,620	27,629,620	27,629,620
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38,000,000	38,000,000	38,000,000	38,000,000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38,070,001	38,070,001	38,070,001	38,070,001
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>3,091,724,606</b>	<b>3,091,724,606</b>	<b>4,693,651,357</b>	<b>4,693,651,357</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

**5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp, bù trừ trong năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
<b>a) Phải nộp</b>	<b>7,420,507,412</b>	<b>6,248,892,418</b>	<b>9,388,785,758</b>	<b>4,280,614,072</b>
- Thuế GTGT	4,047,998,133	2,955,510,339	5,332,450,497	1,671,057,975
- Thuế TNDN	2,914,166,737	2,474,210,649	3,708,330,073	1,680,047,313
- Thuế TNCN	458,342,542	807,171,430	336,005,188	929,508,784
- Các khoản phải nộp khác	-	12,000,000	12,000,000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	974,025	-	974,025	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>562,500,000</b>	<b>610,000,000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	142,500,000	190,000,000
- Các khoản trích trước khác	420,000,000	420,000,000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2,228,382,152</b>	<b>4,639,568,719</b>
- Kinh phí công đoàn	288,587,399	201,748,543
- Bảo hiểm xã hội	672,225,840	716,777,026
- Bảo hiểm y tế	13,163,417	17,782,334
- Bảo hiểm thất nghiệp	5,870,396	11,043,326
- Phải trả, phải nộp khác	539,768,297	699,097,726
- Phải thu khác (dư Có)	295,511,907	1,147,066,997
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	1,530,000,000
- Tạm ứng	413,254,896	316,052,767
<b>b) Dài hạn</b>	-	<b>1,560,430,120</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1,560,430,120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

**5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay</b>	<b>70,399,099,444</b>	<b>70,399,099,444</b>	<b>139,405,764,398</b>	<b>123,343,525,313</b>	<b>54,336,860,359</b>	<b>54,336,860,359</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>53,575,248,769</b>	<b>53,575,248,769</b>	<b>129,092,564,398</b>	<b>122,321,292,935</b>	<b>46,803,977,306</b>	<b>46,803,977,306</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	8,322,659,182	8,322,659,182	24,481,300,555	25,603,755,473	9,445,114,100	9,445,114,100
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	9,774,069,798	9,774,069,798	14,607,603,297	6,939,675,561	2,106,142,062	2,106,142,062
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	24,802,846,490	24,802,846,490	66,391,035,052	64,243,970,366	22,655,781,804	22,655,781,804
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	230,650,030	230,650,030		691,949,970	922,600,000	922,600,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	-	-		690,400,000	690,400,000	690,400,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (6)	9,980,994,084	9,980,994,084	23,612,625,494	23,087,190,750	9,455,559,340	9,455,559,340
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thường Tín Sacombank (7)	27,497,000	27,497,000		82,503,000	110,000,000	110,000,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	61,668,750	61,668,750		250,331,250	312,000,000	312,000,000
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (6)	374,863,435	374,863,435		731,516,565	1,106,380,000	1,106,380,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

**5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VND*

<b>Dài hạn</b>	<b>16,823,850,675</b>	<b>16,823,850,675</b>	<b>10,313,200,000</b>	<b>1,022,232,378</b>	<b>7,532,883,053</b>	<b>7,532,883,053</b>
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	3,098,283,357	3,098,283,357			3,098,283,357	3,098,283,357
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	11,330,595,500	11,330,595,500	9,589,200,000	528,304,500	2,269,700,000	2,269,700,000
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Sacombank (7)	256,660,000	256,660,000			256,660,000	256,660,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	1,415,600,000	1,415,600,000	724,000,000		691,600,000	691,600,000
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (6)	722,711,818	722,711,818		493,927,878	1,216,639,696	1,216,639,696
<b>Cộng</b>	<b>70,399,099,444</b>	<b>70,399,099,444</b>	<b>139,405,764,398</b>	<b>123,343,525,313</b>	<b>54,336,860,359</b>	<b>54,336,860,359</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4729252/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục hợp đồng ký ngày 05/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Hợp đồng tín dụng số 274/2017-HĐCVHM/NHCT131-SĐA ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,8%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.

(4) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000028/18, số cam kết nhận nợ 020-4-55-00-18007, từ ngày 07/03/2018 đến ngày 07/03/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000025/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-18008, từ ngày 21/03/2018 đến ngày 21/03/2023, hạn mức được phê duyệt 813.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 813.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Santafe, có giá trị 1.030.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000059/18, số cam kết nhận nợ 020-5-55-00-18011, từ ngày 13/04/2018 đến ngày 13/04/2023, hạn mức được phê duyệt 680.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 680.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda New CX5 20G AT 2WD, có giá trị 899.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000045/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-19012, từ ngày 26/04/2018 đến ngày 26/04/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-18013, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000063/18, số cam kết nhận nợ 020-6-55-00-18014, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000064/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-19018, từ ngày 22/06/2018 đến ngày 22/06/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng, cùng với các hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18 và HAN/000063/2018 được thế chấp bởi 02 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Vios E CVT, có giá trị 1.040.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000105/18, số cam kết nhận nợ 020-7-55-00-18017, từ ngày 18/06/2018 đến ngày 18/06/2023, hạn mức được phê duyệt 620.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 620.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson 1,6T - GDI 2WD, có giá trị 882.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 340/2018-HĐDCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 02 năm 2018, hạn mức 1.228.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 02 xe ô tô tải (Pickup cabin kép) Nissan Navara và Ford Ranger WildTrak mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

(6) Vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số 506/2018-HĐCVHM/NHCT131-BCSG ngày 18 tháng 06 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Hợp đồng tín dụng số 710/2018-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(7) Hợp đồng tín dụng số LD1709700706 ngày 17/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 550.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 9,5% (trong 24 tháng đầu tiên), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Ford thuộc sở hữu của công ty.

(8) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 417/2018 - HĐCVĐAT/NHCT131-BCSG ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 629.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda Cx5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

(9) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam:

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 05/2018/CN.MN-CTTC ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với giá trị tài sản cho thuê là 1.495.840.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Mẫu số B 09-DN

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>41,545,455</b>	<b>12,099,319,177</b>	<b>5,574,970,192</b>	<b>17,818,591,365</b>	<b>150,534,426,189</b>
Tăng vốn năm trước	-			5,000,000,000		<b>5,000,000,000</b>
Lãi trong năm trước				1,079,434,788	17,392,281,099	<b>18,471,715,887</b>
Tăng khác			17,090,326,323			<b>17,090,326,323</b>
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác		(110,000,000)			(17,790,326,323)	<b>(17,900,326,323)</b>
<i>Phân phối lợi nhuận</i>					(17,790,326,323)	<b>(17,790,326,323)</b>
<i>Giảm khác</i>		(110,000,000)				-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>(68,454,545)</b>	<b>29,189,645,500</b>	<b>11,654,404,980</b>	<b>17,420,546,141</b>	<b>173,196,142,076</b>
Tăng vốn trong kỳ						-
Lãi trong kỳ				173,760,345	10,254,016,635	<b>10,427,776,980</b>
Tăng khác			16,870,512,666			<b>16,870,512,666</b>
Giảm vốn trong kỳ						-
Giảm khác	-	-	-	(1,654,404,980)	(17,420,546,141)	<b>(19,074,951,121)</b>
<i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>					(17,392,281,099)	<b>(17,392,281,099)</b>
<i>Giảm khác</i>				(1,654,404,980)	(28,265,042)	<b>(1,682,670,022)</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>(68,454,545)</b>	<b>46,060,158,166</b>	<b>10,173,760,345</b>	<b>10,254,016,635</b>	<b>181,419,480,601</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	115,000,000,000	115,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>115,000,000,000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115,000,000,000	115,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	115,000,000,000	115,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,500,000	11,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	46,060,158,166	29,189,645,500

**f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH****6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
a) Doanh thu	209,188,465,420	143,069,277,602
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại	26,317,739,895	-
<b>Cộng</b>	<b>27,347,799,946</b>	<b>662,272,729</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
Giá vốn của hàng đã bán	100,449,990,847	80,665,339,247
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay	13,855,071	12,616,404
<b>Cộng</b>	<b>13,855,071</b>	<b>12,616,404</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền vay	3,679,865,170	6,958,697,370
Chiết khấu thanh toán	4,602,894,106	
<b>Cộng</b>	<b>8,282,759,276</b>	<b>6,958,697,370</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
- Thu nhập khác	909,452,680	375,050,463
<b>Cộng</b>	<b>909,452,680</b>	<b>375,050,463</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Các khoản khác	683,995,244	87,679,753
<b>Cộng</b>	<b>683,995,244</b>	<b>87,679,753</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	13,265,911,582	10,964,246,726
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm	47,179,328,647	36,170,955,558
<b>6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12,901,987,629	7,947,753,086
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	1,215,856,161
+ <i>Lỗi của chi nhánh</i>		1,215,856,161
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20% và giảm 50%)	1,061,868,776	1,444,274,706
+ <i>Thu nhập miễn thuế</i>	-	1,444,274,706
+ <i>Thu nhập được giảm 50% thuế (LN tại Công ty con)</i>	1,061,868,776	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20%)	11,840,118,853	7,719,334,541
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng thuế TNDN hiện hành	2,474,210,649	1,543,866,908
<b>6.10 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	10,254,016,635	6,141,290,777
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu		
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,500,000	11,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>892</b>	<b>534</b>

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2019

Mẫu số B 09-DN

Đơn vị tính: VND

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

**8.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm**

**8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

**8.5 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và BCTC Hợp nhất Quý III năm 2018 của Công ty

**8.6 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.7 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn